

MY FRIENDS

A CLOSER LOOK 2

- eat - ate - eaten	(v) : ăn
- take - took - taken	(v) : cầm, nắm, dẫn
- write - wrote - written	(v) : viết
- draw - drew - drawn	(v) : vẽ
- swim - swam - swum	(v) : bơi
- bring - brought - brought	(v) : mang lại, đem lại
- biscuit	(n) : bánh quy
- talk	(v) : nói
- karate	(n) : môn võ ca-ra -tê
- positive	(adj) : khẳng định
- negative	(adj) : phủ định